

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 02 ngày 7 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

- Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/HSST-QĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Giàng A D. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 03/5/2001 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: bản X, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú tại: bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn. Nghề nghiệp: Học sinh. Trình độ văn hóa: 11/12. Dân tộc: Mông. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Chức vụ ĐTDĐ: Không. Con ông: Giàng A T, sinh năm 1977 và bà: Thào Thị L, sinh năm 1979. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La kể từ ngày 26/3/2019 đến nay. Có mặt.

2. Hà Văn T. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1995 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: bản C, xã B, huyện

Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Chức vụ ĐTĐP: Không. Con ông: Hà Văn T, sinh năm 1969 và bà: Lò Thị K, sinh năm 1972. Bị cáo có vợ là Lò Thị L, sinh năm 1999; bị cáo có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La kể từ ngày 26/3/2019 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lò Thị L, sinh năm 1999. Địa chỉ: C, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bào chữa của bị cáo Giàng A D: Ông Cầm Trọng T– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Ngõ 7A, tổ 8, phường Chiềng Lè, T phố Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 2 năm 2019, Giàng A D đến chơi tại quán điện tử của gia đình Đỗ Minh T ở bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thì gặp và quen một người nam giới khoảng 18 tuổi tự giới thiệu tên là Lạng, qua nói chuyện D biết Lạng đã nghỉ học và là người nghiện chất ma túy.

Khoảng 14 giờ ngày 23.3.2019, D đến quán điện tử của gia đình Tuấn để chơi điện tử thì gặp Lạng, Lạng đặt vấn đề bán cho D 02 viên ma túy hồng phiến với giá 40.000 VNĐ/1 viên, D đồng ý. Lạng và D ra ngoài cách quán điện tử khoảng 6m, D đưa tiền 80.000 VNĐ cho Lạng, Lạng cầm tiền rồi bảo D đứng đợi. Khoảng 5 phút sau Lạng quay lại đưa cho D 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 02 viên hồng phiến. D cất gói hồng phiến vào trong túi quần đang mặc rồi đi về phòng trọ D thuê của gia đình Hoàng Văn May. D vào một phòng trọ không có người thuê cách phòng D trọ khoảng 15m giấu gói ma túy vào lỗ gạch trong phòng trọ rồi quay lại quán điện tử chơi.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25.3.2019, khi D đang trên đường đến trường THPT Chu Văn Thịnh, thuộc bản A, xã B thì gặp Hà Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng - đen - bạc, BKS 26K1-119.04 đến rủ D đi uống bia tại quán bia cạnh cổng trường. Sau khi uống bia xong, T chở D về phòng trọ của D. Về đến phòng trọ, T hỏi D “có hàng không”, cả D và T đều hiểu ý nói là ma túy hồng phiến, D nói “không có”, T tiếp tục nói “cố tìm đi, đang say rượu để giải rượu”. Lúc này D nảy sinh ý định bán 01 viên hồng

phiến đã mua từ trước cho T với giá 50.000 VNĐ nên nói với T “anh ra 50.000 VNĐ, em ra 50.000 VNĐ để đi tìm mua 02 viên về để chơi” T đồng ý và bảo D đi tìm, sau đó T đi vệ sinh còn D đi đến phòng trọ không có người thuê lấy 02 viên hồng phiến cất giấu trước đó cho vào trong túi quần bên phải đang mặc, lúc này D nhìn thấy ở góc phòng trọ có 01 ống điều tự chế được làm từ chai nước có nhãn hiệu 24/7 dùng để sử dụng hồng phiến. Khi T đi vệ sinh về thì D gọi T qua bên phòng trọ không có người thuê, đồng thời lấy chiếc ống điều và 02 viên hồng phiến ra để cùng T sử dụng.

Đến hồi 17 giờ 20 phút, khi D và T đang chuẩn bị sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã B, huyện Mai Sơn làm nhiệm vụ tại khu vực bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát hiện có biểu hiện tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra phát hiện trên nền phòng trọ tại vị trí các đối tượng đang ngồi có 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu trắng, bên trong có chứa 02 viên nén màu hồng, một mặt mỗi viên có ký hiệu “WY” nghi là ma túy tổng hợp hồng phiến (Methamphetamine), 01 ống điều tự chế làm bằng chai nhựa cao khoảng 20cm, trên thân chai có gắn ống hút bằng nhựa màu trắng. D và T khai nhận 02 viên nén là ma túy hồng phiến của D và T đang chuẩn bị sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ niêm phong vật chứng nêu trên và kiểm tra thu giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu HUAWEI, vỏ màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu hồng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave sơn màu trắng - đen - bạc, BKS 26K1-119.04.

Ngày 26.3.2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn phối hợp với phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh, trích rút mẫu giám định đối với vật chứng nghi là chất ma túy thu của Giàng A D và Hà Văn T, kết quả xác định: Khối lượng 01 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp hồng phiến (Methamphetamine) là 0,1 gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M1 để giám định; Khối lượng 01 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp hồng phiến (Methamphetamine) là 0,1 gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M2 để giám định.

Ngày 27.3.2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ra bản kết luận giám định số 681/KLMT, kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu M1, M2 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,2 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,2 gam; loại Methamphetamine*”.

Tại phiên toà các bị cáo Giàng A D và Hà Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị L trình bày: Chị là vợ của bị cáo Hà Văn T. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave sơn màu trắng - đen - bạc, BKS 26K1-119.04 là của gia đình chị mua tại một cửa hàng trung tâm T phố Sơn La vào tháng 11/2016. Khi mua xe, gia đình đã thống nhất để Hà Văn T đứng tên trên giấy đăng ký xe máy. Nguồn gốc tiền mua xe máy trên là do bố đẻ chị là Lò Xuân Thủy (sinh năm 1979, trú tại Bản Thảy, xã B, huyện Mai Sơn) cho tiền mua để làm của hồi môn cho chị sau khi kết hôn. Vì vậy, đây là tài sản chung của vợ chồng chị. Ngày 25.3.2019, Hà Văn T nói lấy xe đi dự tọa đàm kỷ niệm ngày 26.3 tại trung tâm xã B, ngoài ra T đi đâu, làm gì, với ai chị không biết. Do đó, chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho chị được quản lý và sử dụng.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKSMS ngày 28.5.2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố bị cáo Giàng A D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Hà Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội đối với các bị cáo với quan điểm giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 91, khoản 1 Điều 101, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Giàng A D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Giàng A D từ 18 đến 24 tháng tù giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; khoản 3 Điều 35, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T từ 12 đến 18 tháng tù giam.

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu cùng các mảnh ninon gói ma túy ban đầu được niêm phong theo quy định; 01 ống điều tự chế được làm bằng chai nhựa, cao khoảng 20cm, thân chai nhựa có gắn ống bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng cũ; 01 vỏ bao bì cùng các que thử nước tiểu đối với Giàng A D và Hà Văn T được niêm phong theo quy định.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, vỏ màu xanh, kèm theo 02 sim đã qua sử dụng cũ cho bị cáo Hà Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu hồng, kèm theo 02 sim đã qua sử dụng cũ cho bị cáo Giàng A D.

Trả lại cho vợ chồng chị Lò Thị L và bị cáo Hà Văn T 01 xe máy nhãn hiệu Honda - Wave, sơn màu trắng – đen – bạc, mang biển kiểm soát 26K1-119.04, số máy 1259FY319769, số khung HC12B7319428, đã qua sử dụng cũ.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000VNĐ.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A D phát biểu ý kiến: cho rằng việc bị cáo D chưa được bị cáo T trả tiền bán 01 viên hồng phiến là thể hiện hành vi phạm tội chưa đạt. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cho bị cáo hưởng sự khoan hồng, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, xử phạt bị cáo D 16 tháng tù.

Bị cáo Hà Văn T tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị L trình bày ý kiến: Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, xin được nhận lại tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda - Wave, sơn màu trắng – đen – bạc, mang biển kiểm soát 26K1-119.04.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Mai Sơn, Kiểm sát viên, T viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:* Tại phiên tòa, bị cáo Giàng A D và Hà Văn T khai nhận: Các bị cáo là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 23.3.2019 Giàng A D đã mua trái phép 0,2 gam Methamphetamine (02 viên hồng phiến) với giá 80.000 VNĐ, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Ngày 25.3.2019, D đã bán trái phép cho Hà Văn T 0,1 gam Methamphetamine (01 viên hồng phiến) để kiếm lời. Khi T và D đang chuẩn bị sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã B bắt quả tang thu giữ 0,2 gam Methamphetamine.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 17 giờ 25 phút ngày 25.3.2019 của Tổ công tác Công an xã B, huyện Mai Sơn; biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng; phù hợp với kết luận giám định số 681 ngày 27.3.2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội độc lập, không có đồng phạm. Bị cáo Giàng A D tàng trữ 0.2 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng và bán 0,1gam methamphetamine cho T để kiếm lời. Mặc dù T chưa trả tiền cho bị cáo nhưng việc bị cáo lấy viên ma túy của mình cho T sử dụng nhằm mục đích để T trả tiền 50.000VNĐ (không phân biệt T đã trả tiền cho D hay chưa) đã có đầy đủ căn cứ kết luận bị cáo Giàng A D đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo D cho rằng bị cáo phạm tội chưa đạt.

Bị cáo Hà Văn T góp tiền để cùng Giàng A D mua và sử dụng chung 02 viên hồng phiến. D đã để 02 viên hồng phiến dưới nền nhà. T biết rõ 02 viên này là của D mua về để T và D cùng nhau sử dụng. Khi các bị cáo chuẩn bị sử dụng thì bị tổ công tác công an xã B bắt quả tang. Do vậy, bị cáo T cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số ma túy khi các bị cáo bị bắt quả tang là 0,2gam methamphetamine về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố các bị cáo tại Bản cáo trạng số: 38/CT-VKSMS ngày 28.5.2019 là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

Điều 251 BLHS năm 2015 quy định: Tội mua bán trái phép chất ma túy

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...”

Điều 249 BLHS năm 2015 quy định: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

[3] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, tiếp tay cho các đối tượng khác lưu thông, buôn bán trái phép chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo:

Bị cáo Giàng A D và Hà Văn T đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý.

Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, nhận thức rõ được việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì thiếu rèn luyện, tu dưỡng mà các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với các bị cáo khi lượng hình. Khi phạm tội bị cáo Giàng A D chưa đủ 18 tuổi (được 17 tuổi, 11 tháng, 05 ngày) nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định tại Chương XII quy định về người dưới 18 tuổi phạm tội của

Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét, áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng với lỗi cố ý. Do vậy, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo nhằm cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Giàng A D tuy phạm tội với mục đích vụ lợi nhưng xét bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, vừa qua 18 tuổi, sống phụ thuộc vào gia đình, do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D là phù hợp.

Đối với bị cáo Hà Văn T, quá trình điều tra đã xác định bị cáo cùng vợ và con đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng có giá trị. Tuy nhiên, cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda - Wave, sơn màu trắng – đen – bạc, mang biển kiểm soát 26K1-119.04. Đây là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Lò Thị L. Do vậy cần áp dụng khoản 5 Điều 249; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền là 1.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

Đối với 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu cùng các mảnh nilon gói ma túy ban đầu được niêm phong theo quy định; 01 ống điều tự chế được làm bằng chai nhựa, cao khoảng 20cm, thân chai nhựa có gắn ống bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng cũ; 01 vỏ phong bì cùng các que thử nước tiểu đối với Giàng A D và Hà Văn T được niêm phong theo quy định. Xét thấy đây là những vật bị cáo dùng vào việc cất giữ ma túy, sử dụng ma túy và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, vỏ màu xanh, kèm theo 02 sim đã qua sử dụng cũ thu giữ của bị cáo Hà Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu hồng, kèm theo 02 sim đã qua sử dụng cũ thu giữ của bị cáo Giàng A D. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda - Wave, màu sơn trắng – đen – bạc, mang biển kiểm soát 26K1-119.04, số máy 1259FY319769, số khung HC12B7319428, đã qua sử dụng cũ. Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã xác định được là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Hà Văn T và chị Lò Thị L. Bị cáo Hà Văn T không sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội nên cần trả lại chiếc xe trên cho vợ chồng bị cáo T và chị Long theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

[8] *Về các vấn đề khác*: Về nguồn gốc chất ma túy, D khai mua của một người đàn ông không quen biết tự giới thiệu tên là Lạng, việc mua bán không có ai biết, chứng kiến do đó cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án. Cần chấp nhận.

Đối với Hoàng Văn May là chủ nhà trọ D thuê. Quá trình điều tra xác định May không biết việc D, T tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, do đó không đặt vấn đề xử lý đối với May. Cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Giàng A D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Hà Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251, Điều 91, khoản 1 Điều 101, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Giàng A D 18 (mười tám) tháng tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/3/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; khoản 3 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 12 (mười hai) tháng tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/3/2019).

Phạt bổ sung đối với bị cáo Hà Văn T 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu cùng các mảnh ninon gói ma túy ban đầu được niêm phong theo quy định; 01 ống điều trị chế được làm bằng chai nhựa, cao khoảng 20cm, thân chai nhựa có gắn ống bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng cũ; 01 vỏ phong bì cùng các que thử nước tiểu đối với Giàng A D và Hà Văn T được niêm phong theo quy định.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, vỏ màu xanh, kèm theo 02 sim đã qua sử dụng cũ cho bị cáo Hà Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu hồng, kèm theo 02 sim đã qua sử dụng cũ cho bị cáo Giàng A D.

Trả lại cho vợ chồng chị Lò Thị L và bị cáo Hà Văn T 01 xe máy nhãn hiệu Honda - Wave, sơn màu trắng – đen – bạc, mang biển kiểm soát 26K1-119.04, số khung 1259FY319769, số máy HC12B7319428, đã qua sử dụng cũ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2019).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga